

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản số: 156 /2025/HNGĐ-ST

Ngày: 07-5-2025

Về việc: “Xin ly hôn.” .

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHƯỚC, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Văn Thái và ông Đỗ Nhật Tân

-Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Tô Tấn Cường – Cán bộ Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định.

-Đại diện VKSND huyện T tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Định– Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 91/2025/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 3 năm 2025, về việc: “Xin ly hôn, nuôi con chung”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2025/QĐXXST- HNGĐ, ngày 08 tháng 4 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 756/ 2025/QĐST- HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2025, của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Huỳnh Văn C, sinh năm 1992, có mặt

Địa chỉ: Thôn H, xã Ph, huyện T, tỉnh Bình Định

Bị đơn **Nguyễn Huỳnh Thụy V**, sinh năm 1990, có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn H, xã Ph, huyện T, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 02 năm 2025, tại các bản khai và tại phiên tòa hôm nay Nguyên đơn anh Huỳnh Văn C trình bày: Giữa anh với chị **Nguyễn Huỳnh Thụy V** tự tìm hiểu và kết hôn cuối năm 2018, đăng ký kết hôn tại UBND xã Ph vào ngày 27/4/2018. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 09 năm 2024 thì anh phát hiện chị V có ngoại tình với người đàn ông khác. Sau đó chị V dắt con bỏ đi theo người đó, không còn mong muốn chung sống với anh. Vì vậy nay anh C thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên anh xin ly hôn chị V. Về quan hệ nuôi con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung tên là Nguyễn Khánh L, sinh ngày 17/7/2019 và Nguyễn Linh S, sinh ngày 16/03/2023, hiện cháu L đang ở cùng anh, còn cháu S đang ở cùng chị V. Nay ly hôn anh yêu cầu được nuôi cháu L, còn cháu S giao cho chị V, anh không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về quan hệ tài sản

chung: Anh C khai không có tài sản chung, không nợ chung, không yêu cầu Tòa giải quyết. Ngoài ra anh C không khai và không yêu cầu gì khác.

*Đối với bị đơn **Nguyễn Huỳnh Thụy V** có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có bản khai trình bày như sau:* Về hôn nhân giữa chị với anh C tự nguyện kết hôn năm 2018, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ph. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc tại Thôn H, xã Ph, huyện T, tỉnh Bình Định. Thời gian trước tết âm lịch khoảng tháng 12 năm 2024 thì chị có quen người khác. Nay anh C xin ly hôn thì chị đồng ý. Về quan hệ nuôi con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung tên là Nguyễn Khánh L, sinh ngày 17/7/2019 và Nguyễn Linh S, sinh ngày 16/03/2023, hiện cháu L đang ở cùng anh C, còn cháu S đang ở cùng chị. Nay ly hôn anh C yêu cầu được nuôi cháu L, còn cháu S giao cho chị V thì chị đồng ý, chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về quan hệ tài sản chung: Chị V khai không có tài sản chung, không nợ chung, không yêu cầu Tòa giải quyết. Ngoài ra chị V không khai và không yêu cầu gì khác.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu của anh C ly hôn với Chị V. Về quan hệ nuôi con chung: Anh C và chị V có 02 con chung tên là Nguyễn Khánh L, sinh ngày 17/7/2019 và Nguyễn Linh S, sinh ngày 16/03/2023, hiện cháu L đang ở cùng anh C, còn cháu S đang ở cùng chị V. Nay anh C và chị V yêu cầu giao cháu L cho anh C, giao cháu S cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp nên đề nghị Tòa ghi nhận. Về cấp dưỡng anh C và chị V không cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Tòa không xét. Về quan hệ tài sản chung: Anh C và chị V khai không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Tòa không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Huỳnh Văn C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị V là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn là chị **Nguyễn Huỳnh Thụy V** cư trú tại Thôn H, xã Ph, huyện T, tỉnh Bình Định nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chị V có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2].1 Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Huỳnh Văn C thì Hội đồng xét xử thấy rằng: Giữa anh Huỳnh Văn C và chị **Nguyễn Huỳnh Thụy V** tự tìm hiểu và tự nguyện kết hôn từ năm 2018, có đăng ký kết hôn ngày 27/4/2028 tại Ủy ban nhân dân xã Phước Hòa, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định nên hôn nhân giữa anh C và chị V là hợp pháp. Theo anh C khai trong thời gian sống chung chị V ngoại tình dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn nên anh C xin ly hôn chị V. Chị V thừa nhận có sai lầm trong quan hệ hôn nhân và chị đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử căn cứ biên bản xác minh cho thấy tình trạng hôn nhân giữa anh C và chị V đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, căn cứ vào các Điều 51,56 Luật hôn nhân và gia đình, cho anh C ly hôn chị V.

[2].2 Về quan hệ nuôi con chung: Anh C và chị V có 02 con chung tên là Nguyễn Khánh L, sinh ngày 17/7/2019 và Nguyễn Linh S, sinh ngày 16/03/2023, hiện cháu L đang ở cùng anh C, còn cháu S đang ở cùng chị V. Nay anh C và chị V yêu cầu giao cháu L cho anh C, giao cháu S cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Về cấp dưỡng: Anh C và chị V không cấp dưỡng nuôi con nên Tòa không xét.

[2].3 Về quan hệ tài sản chung: Anh C và chị V khai không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên Tòa không xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh C phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn để sung vào Ngân sách Nhà nước. Tiền tạm ứng án phí anh C đã nộp được khấu trừ vào án phí.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, 35, 39, 227 BLTTDS; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Huỳnh Văn C ly hôn chị **Nguyễn Huỳnh Thụy V**.

[2] Về quan hệ nuôi con chung: Anh C và chị V có 02 con chung tên là Nguyễn Khánh L, sinh ngày 17/7/2019 và Nguyễn Linh S, sinh ngày 16/03/2023. Giao cháu L cho anh C, giao cháu S cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng, hiện cháu L đang ở cùng anh C, còn cháu S đang ở cùng chị V. Về cấp dưỡng: Anh C và chị V không cấp dưỡng nuôi con nên Tòa không xét

[3] Về quan hệ tài sản chung: Tòa không xét.

[4] Về án phí DSST: Buộc Anh C phải chịu 300.000đ về án phí ly hôn sung vào Ngân sách Nhà nước. Tiền tạm ứng án phí anh C đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0003091, ngày 21-03-2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T được khấu trừ vào tiền án phí.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại Tòa được quyền kháng cáo Bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 07-5-2025). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết hoặc tổng đạt hợp lệ.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành. Nếu bên phải thi hành không thực hiện nghĩa vụ đã tuyên thì bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015 tương ứng thời gian chậm thi hành.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- Các bên đương sự
- VKSND huyện T
- Chi cục THADS huyện T
- Phòng KTNV-THAHS TAND tỉnh Bình Định .
- UBND xã Ph
- Số 57, ngày 27/4/2018)
- Lưu hồ sơ .

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Bích Thủy

